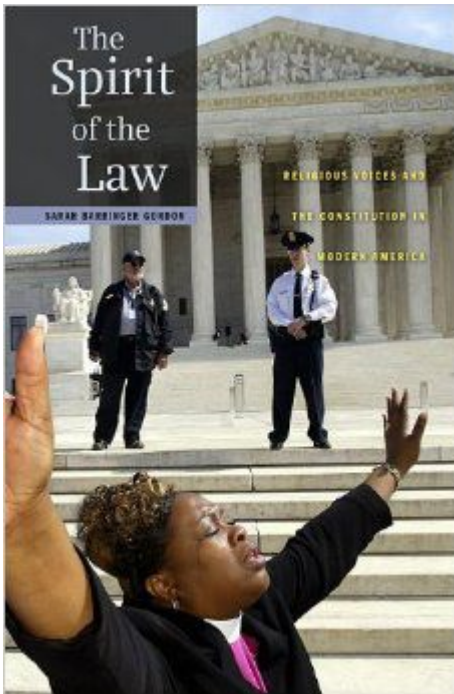


# Niềm tin đã và đang định hình luật pháp Mỹ như thế nào?

**Burt Neuborne**

**Cường Phong**, chuyên ngữ

*Review sách: “Tinh thần pháp luật – Tiếng nói của tôn giáo và hiến pháp ở nước Mỹ hiện đại” (The Spirit of the Laws – Religious Voices and the Constitution in Modern America) – Tác giả: Sarah Barringer Gordon.*



Các học giả về luật pháp thường nói rằng luật, đặc biệt là luật hiến pháp, định hình tôn giáo: nuôi dưỡng sự phát triển của nó theo điều khoản tự do thực hành tôn giáo, trong khi kiềm chế quyền lực của nó theo định chế tôn giáo. Sally Gordon, giáo sư luật hiến pháp và Arlin M. Adams, giáo sư lịch sử tại đại học Pennsylvania, đã thay đổi hoàn toàn quan niệm thông thường đó bằng cách chứng minh rằng chính sức mạnh phi thường của xung lực tôn giáo chứ không phải điều ngược lại đã, đang và tiếp tục định hình luật pháp Mỹ.

Bằng cách lặp lại tiêu đề tác phẩm thế kỷ 18 của Montesquieu mang tên “Tinh thần pháp luật”, câu chuyện của Gordon bắt đầu một thế kỷ sau đó với hình ảnh đạo quân cứu thế. Ngày nay chúng ta nghĩ về đạo quân này như những nhân vật vui tính trong phim “Guys and Dolls”. Nhưng Gordon đã gọi lại nhiệt huyết sôi

sục của đạo quân cứu thế lúc ban đầu, một giáo phái Tin lành mang tính cách phô trương mạnh mẽ đã tìm cách đưa tôn giáo đến với người nghèo bằng việc diễu hành, chơi nhạc ồn ã thường xuyên bất chấp sự phản đối của chính quyền địa phương. Bà thuật lại chi tiết những việc làm táo bạo của Joe the Turk, người có lỗi ăn mặc kỳ dị, có tài năng âm nhạc, và đã trải qua nhiều trận chiến pháp lý với chính quyền để làm chứng cho sức sống mãnh liệt của các xung lực tôn giáo bất chấp sự phản đối của phe thế tục. Nó chỉ ra rằng việc ngày nay người dân được tự do tụ tập ở các đường phố một phần nhờ công lao của đội quân cứu thế. Họ đã chiến đấu và đã chiến thắng. Một trong những thắng lợi quan trọng đầu tiên để giành quyền tự do hội họp ở Mỹ.

Robert Jackson Gordon sau đó chuyển sang nhóm Nhân chứng Jehovah vào thế kỷ 20. Lòng nhiệt thành truyền giáo của họ, với giọng điệu chống Công giáo một cách quyết liệt và từ chối thừa nhận quyền lực thế tục đã dẫn giáo phái này tới việc nhiều lần va chạm liên tiếp với chính quyền. Bà nhắc nhở chúng ta rằng ngày nay chúng ta có thể rải truyền đơn một cách thoải mái một phần lớn là nhờ giáo phái này, do Haydon . Covington đại diện tại tòa án tối cao, nhất định không chịu khuất phục. Bà nhắc lại rằng nhờ việc giáo phái này kiên quyết khước từ không chịu thực hiện nghi thức chào cờ với quốc kỳ Mỹ mà ngày nay chúng ta có khái niệm quyền tự do lương tâm và có Tu chính án số một. Gordon thuật lại một tiên trình bắt đầu từ năm 1935, khi nhóm Nhân chứng Jehovah tại Đức khước từ việc thực hiện nghi lễ chào của Đảng Quốc xã và bị bỏ tù trong các trại tập trung, cuối cùng dẫn đến quyết định mang tính biểu tượng của thẩm phán tòa án tối cao mang tên West Virginia. Barnette, mở đường cho các quyền tự do trong hiến chương của Tu chính án thứ nhất.

Gordon đã đưa ra thêm ba câu chuyện minh họa cho công cuộc định hình luật pháp trong thế giới hiện đại của tôn giáo. Mặc dù văn phong của Gordon không thể sánh với cách viết hoa mỹ của Montesquieu, nhưng những hiểu biết sâu sắc của tác giả về mối quan hệ hiện đại giữa tôn giáo và luật pháp đã khiến cho cuốn sách của Gordon trở thành một trong những cuốn sách đáng đọc. Mặc dù chỉ được nhìn nhận dưới nhãn quan từ phía đối lập là Tin lành, nhưng câu chuyện của Gordon về sự kiểm soát hữu hiệu của giáo hội Công giáo đối với các trường công những năm 1920, 1930, vẫn là một khía cạnh mà chưa được ghi nhận một cách đầy đủ trong lịch sử của chúng ta. Tác giả Gordon đã xác định sự trỗi dậy mạnh mẽ của phản ứng ngược của phe Tin lành về phía các trường công nằm trong sự kiểm soát của giáo hội Công giáo là nguồn gốc của học thuyết hiện đại về sự phân tách rõ ràng giữa giáo hội và nhà nước. Khi học về lát cắt này trong lịch sử Mỹ, tôi muốn được lắng nghe những tiếng nói biện hộ cho những hành động này của phe Công giáo. Dĩ nhiên, có thể những nguồn tài liệu sẵn có từ trước tới nay thuần túy là của người Tin lành nhưng nếu có thể

xem xét quan điểm từ phía Công giáo, những kiến giải về câu chuyện này chắc hẳn sẽ còn rất phong phú.

Gordon sau đó quay sang giải thích làm thế nào mà việc chấp thuận đường lối phân tách nghiêm ngặt bởi một Tòa án tối cao chiếm phần áp đảo là người Tin lành lại tạo ra 2 phản ứng đáng chú ý về mặt tôn giáo. Thứ nhất một cuộc tranh đấu vẫn còn đang tiếp diễn và đã phần nào đạt được thành công của giáo hội Công giáo để thu hút công quỹ cho các trường dòng. Thứ hai, nỗ lực thành công bước đầu của cả những người Công giáo và Tin lành nhiệt thành trong việc khôi phục việc cầu nguyện chung và cả những hình ảnh tôn giáo trở lại với đời sống công cộng. Cả hai phong trào tôn giáo này đã thành công trong việc thay đổi đáng kể luật pháp Mỹ ở thập niên trước. Một Tòa án tối cao được phân chia rõ ràng (hiện tại chiếm đa số là Công giáo) đã nói lòng 1 cách đáng kể những hạn chế theo hiến pháp trong việc tài trợ cho các tổ chức tôn giáo, bỏ phiếu sát sao để duy trì hệ thống phiếu thanh toán học phí, cho phép các giáo viên dạy bổ túc về kỹ năng đọc trong các trường dòng và cho phép các nguồn viện trợ trực tiếp của chính phủ dành cho các sinh viên tật nguyền có nhiệm vụ chuẩn bị cho các mục vụ tôn giáo. Một Tòa án tối cao bị phân chia tương tự cũng phản ứng lại một làn sóng phản nộ chính trị bất thường của người Công giáo, những người Tin lành thủ cựu và những người Do Thái giáo chính thống bằng việc giả vờ như là nhiều trường hợp phô trương hình ảnh tôn giáo của chính phủ là mang bản chất thế tục và bằng việc cho phép các câu lạc bộ phi hệ phái (nhưng rõ ràng là thuộc bên Tin lành) được được hội họp ngay tại trường sau giờ học.

Sự từ chức của thẩm phán John Paul Steven và sự xác nhận của người kế vị của ông – Elena Kagan sẽ đánh dấu sự xuất hiện của một tòa án tối cao với 6 thẩm phán Công giáo và 3 thẩm phán người Do Thái – khác xa với tòa án do người Tin lành chiếm đa số vào những năm 1940, 1950 mà đã gây ra sự phân tách nghiêm ngặt giữa chính phủ và giáo hội. Tất nhiên là thật khó để vẽ ra một ranh giới mỏng manh giữa tôn giáo của thẩm phán và cách tiếp cận của thẩm phán với mối quan hệ giữa giáo hội và chính quyền. Thẩm phán William J. Brennan – một người Công giáo – là người chủ trương việc phân tách nghiêm ngặt. Nhưng tôi rất nghi ngờ rằng việc tòa án mà người Tin lành chiếm đa số thời trước sẽ quan niệm rằng rằng biểu tượng Thánh giá kiểu La-tinh có thể đóng vai trò biểu tượng chính thức của chính phủ để tưởng niệm mọi cựu binh thời Thế Chiến I, kể cả những người Do Thái, vì hình ảnh cây thánh giá không chỉ được dùng với vai trò độc nhất như một biểu tượng tôn giáo. Nếu như chính quyền dùng biểu tượng chữ thập để tưởng nhớ sự phục vụ của cha tôi trong thời chiến, hẳn là ông sẽ đội mồ sống đây.

Trình thuật của Gordon cho thấy rõ ràng rằng phản ứng chống lại nỗ lực loại bỏ việc cầu nguyện và các hình ảnh tôn giáo ra khỏi đời sống công cộng đã vượt khỏi phạm vi tòa án tối cao, góp phần quan trọng vào nền chính trị bảo thủ và một lần nữa, minh họa cho quan điểm rằng, *chính tôn giáo đã định hình luật pháp*, chứ không phải ngược lại. Theo quan điểm của tôi, có lẽ sẽ hữu ích hơn nếu như Gordon nêu chi tiết hơn về sự nổi lên của các lực lượng tôn giáo cánh hữu như một phản ứng chống lại sự thử nghiệm của Tòa án tối cao theo chiều hướng phân chia nghiêm ngặt giữa giáo hội và nhà nước, và ảnh hưởng của nó đối với đảng Cộng hòa.

Gordon kết thúc với bài học quan trọng rằng khả năng định hình chính trị của các xung lực tôn giáo không phải tài sản riêng của phe cánh hữu. Tác giả có thể và nên trình bày quan điểm ấy sớm hơn trong bối cảnh vai trò của các hội thánh của người gốc Phi trong các phong trào dân quyền và những câu chuyện tuyệt vời của tôn giáo chống lại chế độ chiếm hữu nô lệ, bắt đầu với giáo phái Quakers và thế kỷ 17 ở London và đỉnh cao là việc người Mỹ thuộc mọi tôn giáo đều sẵn lòng chịu những gánh nặng cực kỳ lớn lao trong cuộc nội chiến, nhân danh Chúa.

Thay vào đó, Gordon đã lấy những ví dụ đương thời như: sự hỗ trợ hữu hiệu của các tổ chức tôn giáo tiên bộ đối với việc truyền chức thánh cho phụ nữ, chấp nhận các tín đồ đồng tính và công nhận hôn nhân đồng giới. Gordon đã ghi chép lại vai trò quan trọng của các trường phái Do Thái Giáo Cải Cách và Do Thái giáo Tái Xây Dựng trong việc gắn kết ba liên minh cấp tiến, tập trung vào vai trò của các nữ giáo sĩ Do Thái trong việc thúc đẩy hôn nhân đồng giới ở Massachusetts. Tác giả thuật lại việc làm thế nào mà các giáo phái tôn giáo cấp tiến – đặc biệt là các giáo đoàn Do Thái – lần đầu tiên đã đón nhận các tín đồ đồng tính và cử hành nghi lễ hôn phối cho các cặp đôi đồng tính mà không có tư cách pháp lý và cuối cùng là tổ chức các hoạt động chính trị nhằm mang lại cho các cuộc hôn nhân này hiệu lực thế tục một cách đầy đủ.

Khi con gái tôi lần đầu tiên giải thích cho tôi lý do muốn trở thành một giáo sĩ Do Thái, con bé nói rằng nó đã chứng kiến vợ chồng tôi dành cả đời sử dụng luật lệ và lý trí để mang lại trật tự luân lý cho vũ trụ hỗn mang này. Theo quan điểm của nó, chuẩn mực của chúng tôi quá mỏng manh và con gái tôi sẽ cố gắng để đạt được những mục đích tương tự – nhưng với những chuẩn mực dày dặn hơn. Cuốn sách tuyệt vời của Gordon đã giải thích lý do đúng đắn của quan điểm mà tác giả trình bày trong cuốn sách. Trong tương lai xa, chuẩn mực của niềm tin sẽ cao dày hơn các chuẩn mực của luật lệ và lý trí. Đó là điều đáng để chúc mừng nhưng cũng là một lý do cực kỳ đáng sợ.

---

**Burt Neuborne là giáo sư tại đại học Inez Milholland về Dân quyền và giám đốc pháp lý của trung tâm Brennan về Tư pháp tại Đại học luật New York. Ông từng là giám đốc pháp lý quốc gia của American Civil Liberties Union trong nhiệm kỳ tổng thống Ronald Reagan và hiện nay là thành viên hội đồng khu vực của Anti-Defamation League's New York.**